



Original Article

# Perspectives in Formulating Policies to Promote Lifelong Learning in the System of Cultural Institutions Towards Building A Learning Society to Meet the Requirements of Digital Transformation in Vietnam

Le Tung Son\*

*VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

Received 31 July 2022

Revised 13 September 2022; Accepted 20 September 2022

**Abstract:** Lifelong learning towards creating a learning society is one of the contemporary issues in the policy and management of culture and education. This is considered as an important key for citizens of each country to survive and develop in a constantly changing world. As a result of this pressing need, each country must develop policies to promote lifelong learning through different models and methods, one of which is lifelong learning in the cultural institutional system. This special model has a dual effect: promoting the building of culture and people while also promoting education towards sustainable development.

By analyzing, synthesizing and generalizing the current state of Vietnam's policies as researched in the context of digital transformation, the study points out new trends in policies to promote lifelong learning activities in Vietnam. The system of cultural institutions aims to build a learning society in the contemporary trend based on the philosophy: to create an open, unified, synchronous, connected system of cultural institutions on a digital transformation platform.

**Keywords:** Lifelong learning, cultural institutions, digital transformation cultural and educational policy.

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [tungson.ussh@gmail.com](mailto:tungson.ussh@gmail.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4405>

# Quan điểm trong xây dựng chính sách thúc đẩy học tập suốt đời trong hệ thống thiết chế văn hóa hướng đến xây dựng xã hội học tập đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số tại Việt Nam

Lê Tùng Sơn\*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia Hà Nội  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 31 tháng 7 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 13 tháng 9 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 9 năm 2022

**Tóm tắt:** Học tập suốt đời hướng đến kiến tạo một xã hội học tập là một trong những vấn đề đương đại trong chính sách và quản lý văn hóa và giáo dục. Đây được xem là chìa khóa quan trọng giúp cho công dân của mỗi quốc gia có thể tồn tại và phát triển trong một thế giới biến đổi không ngừng. Từ yêu cầu cấp thiết này, mỗi quốc gia cần có chính sách thúc đẩy học tập suốt đời với các mô hình, phương thức khác nhau, trong đó học tập suốt đời tại hệ thống thiết chế văn hóa là một trong những mô hình đặc biệt, mang lại tác động kép: vừa thúc đẩy việc xây dựng văn hóa, con người, vừa thúc đẩy giáo dục hướng đến phát triển bền vững.

Bằng phương pháp phân tích, tổng hợp và khái quát hiện trạng chính sách hiện hành của Việt Nam, nghiên cứu trong bối cảnh chuyển đổi số, nghiên cứu chỉ ra những xu hướng mới trong chính sách thúc đẩy hoạt động học tập suốt đời trong hệ thống thiết chế văn hóa hướng đến xây dựng xã hội học tập trong xu thế đương đại dựa trên triết lý: kiến tạo một hệ thống thiết chế văn hóa: có tính mở, thống nhất, đồng bộ, kết nối và trên nền tảng chuyển đổi số.

**Từ khóa:** Học tập suốt đời, thiết chế văn hóa, chuyển đổi số; chính sách văn hóa và giáo dục.

## Dẫn nhập

Chúng ta đang sống trong một thế giới biến đổi không ngừng, những thành tựu, tác động của Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư cùng xu thế chuyển đổi số và sự phát triển nhanh chóng của xã hội thông tin đã khiến quá trình lỗi thời, lạc hậu hóa của tri thức khoa học ngán lại, nhiều tri thức khoa học mới được tạo ra cùng nhiều nhận thức thay đổi. “Học tập suốt đời” hướng đến xây dựng một xã hội học tập đã và đang trở thành chìa khóa quan trọng giúp cho mỗi người có thể

tồn tại và phát triển trong sự biến đổi không ngừng của khoa học và công nghệ, và tri thức nhân loại.

Trên bình diện quốc tế, vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa trong việc tạo điều kiện cho công dân của các quốc gia có cơ hội để học tập suốt đời được ghi nhận trong các văn kiện quan trọng, trong đó phải kể đến Tuyên ngôn của UNESCO về thư viện công cộng năm 1994, cập nhật năm 2022<sup>1</sup> với việc khẳng định vai trò của thư viện công cộng trong việc mở ra sự tiếp cận

\* Tác giả liên hệ.

*Địa chỉ email:* tungson.ussh@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4405>

<sup>1</sup> IFLA và UNESCO công bố tuyên ngôn về thư viện công cộng tại Đại hội Thông tin và Thư viện thế giới lần thứ 87 (WLIC) ngày 27 tháng 7 năm 2022.

tới tri thức cơ sở, bảo đảm khả năng, điều kiện chủ yếu cho việc học tập liên tục, cho việc tự mình đưa ra các quyết định cho sự phát triển văn hóa, xã hội, qua đó, thư viện công cộng được xem là trung tâm thông tin, trung tâm văn hóa, trung tâm học tập cộng đồng, hỗ trợ người dân học tập suốt đời [1, 2]. Từ năm 2013, UNESCO đã chính thức thông qua hiến chương về Di sản số trong đó khuyến khích các quốc gia trên thế giới xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa dạng số nhằm nâng cao nhận thức, chia sẻ, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa, từ đó, vai trò của bảo tàng, được khẳng định là một trong những thiết chế văn hóa quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu về lịch sử, văn hóa của người dân.

Tại Việt Nam, giáo dục được xem là quốc sách hàng đầu trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từ đó học tập suốt đời để kiến tạo một xã hội học tập là một trong những chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước. Đề án “*xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030*” phê duyệt theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định mục tiêu “*tiếp tục tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập bảo đảm đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội, bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư và hội nhập quốc tế*”, cũng tại Đề án này, đã xác định các nhiệm vụ, giải pháp trong việc xây dựng xã hội học tập trong đó các thiết chế văn hóa (thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa) phải đổi mới phương thức, mô hình hoạt động và cung ứng sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ học tập trên nền tảng công nghệ số; tăng cường hợp tác trong tạo lập và chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các thiết chế văn hóa và các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan,

tổ chức hỗ trợ người dân học tập suốt đời. Ngoài ra trong Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (theo Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ) cũng xác định bảo đảm quyền tiếp cận, hưởng thụ, tham gia và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và cộng đồng thông qua các trung tâm văn hóa nghệ thuật cùng với các thiết chế văn hóa khác nhau như thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa,...

Đặt trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư, xu thế chuyển đổi số, cùng một loạt những thay đổi trong định hướng về vai trò của các thiết chế văn hóa trong việc thúc đẩy học tập suốt đời của người dân, đòi hỏi cần có các quan điểm, tiếp cận mới trong xây dựng chính sách thúc đẩy học tập suốt đời trong các thiết chế văn hóa hiện nay; đây được xem là những vấn đề đương đại trong chính sách văn hóa và giáo dục hiện nay.

Trong nghiên cứu này, trên cơ sở khái quát những vấn đề cơ bản về vai trò của các thiết chế văn hóa trong việc thúc đẩy học tập suốt đời trong bối cảnh chuyển đổi số, bài viết đưa ra những phân tích, nhận diện xu hướng trong xây dựng chính sách về thúc đẩy hoạt động học tập suốt đời trong các thiết chế văn hóa; từ đó đề xuất quan điểm, mục tiêu và những giải pháp để đổi mới hoạt động của các thiết chế văn hóa đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân trong bối cảnh chuyển đổi số.

Phạm vi của nghiên cứu: đặc thù trong mỗi lĩnh vực thuộc ngành văn hóa, do vậy, nghiên cứu chỉ tiếp cận và phân tích các chính sách học tập suốt đời trong: thư viện, bảo tàng và trung tâm văn hóa, đây cũng là 03 thiết chế văn hóa được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn để xây dựng Đề án thành phần trong Đề án tổng thể về xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030<sup>2</sup>.

## 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Ý tưởng về học tập suốt đời (giáo dục suốt đời) lần đầu tiên được học giả người Anh: Basil

mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ đến năm 2030.

<sup>2</sup> Theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao triển khai Đề án thành phần số 4: Đây

Yeaxlee nhắc đến trong cuốn sách: học tập suốt đời (Lifelong Education) năm 1929, ông chỉ ra rằng, giáo dục và học tập suốt đời có thể diễn ra tại nhiều nơi, (tại nhà, câu lạc bộ, nhà thờ, rạp chiếu phim, phòng hòa nhạc) được tổ chức với nhiều hình thức với từng nhóm người [3]. Sự phát triển về tư tưởng học tập suốt đời cũng được cụ thể hóa trong các Chương trình nghị sự, các báo cáo của UNESCO trong các năm 1965, 1972, 1996,... [4, 5].

Trên bình diện chính sách, Đạo Luật Giáo dục của Vương Quốc Anh 1944 (United Kingdom Education Act 1944) được xem là một trong những đạo luật đầu tiên thể hiện tư duy về khuyến khích học tập suốt đời<sup>3</sup>, theo đó, mọi cơ quan giáo dục địa phương phải trình Bộ trưởng phê duyệt Kế hoạch phát triển giáo dục tiểu học và trung học cơ sở và kế hoạch giáo dục nâng cao trong khu vực của mình<sup>4</sup> [6, 7] tiếp đó phải kể đến Nhật Bản với những thay đổi trong hệ thống chính sách về giáo dục, học tập suốt đời từ Đạo luật Giáo dục cho người lớn 1949 (Act for Adult Education 1949), Luật thúc đẩy học tập suốt đời 1990 (Lifelong Learning Promotion Law 1990) nhằm hướng đến mục tiêu hiện thực hóa xã hội học tập trong đó tất cả mọi người có thể tham gia vào các cơ hội học tập ở bất kỳ lúc nào trong cuộc đời của họ [8]. Tại khu vực Đông Nam Á, trong báo cáo của Y.Rika (2017) đã khái quát hóa các chính sách của các quốc gia Đông Nam Á<sup>5</sup> đặc biệt trong bối cảnh phát triển của kinh tế tri thức [9].

Học tập suốt đời hướng đến xây dựng một xã hội học tập cũng được sơ đồ hóa trong nghiên cứu của Alina - Irina Popescu (2011) với 04 thành tố: phát triển con người, phát triển kinh tế,

phát triển xã hội (dựa trên sự giao thoa giữa phát triển kinh tế và phát triển con người) và phát triển môi trường. Trong đó kiến tạo một xã hội học tập là một trong những định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển con người [10, 11]. Trong tác phẩm kiến tạo một xã hội học tập - những tiếp cận mới về sự tăng trưởng, phát triển và tiến bộ xã hội (Creating A Learning Society), Nhóm tác giả Joseph H. Stiglitz và Bruce C. Greenwald (2015) đã chỉ ra những vấn đề về cách mạng trong học tập, học tập với phát triển kinh tế, vấn đề tạo dựng các tổ chức học tập, môi trường học tập, các chính sách trong việc xây dựng xã hội học tập trong đó nhấn mạnh về vai trò của công nghiệp và thương mại, tài chính, đầu tư, sở hữu trí tuệ và quá trình chuyển đổi xã hội, tạo ra xã hội học tập [12]. Nghiên cứu của nhóm tác giả Bruno Tindemans & Vickie Dekocker (2020) đã chỉ ra những thách thức để hiện thực hóa mục tiêu học tập suốt đời cần được ưu tiên đó là i) Làm cho tất cả mọi người đều ham học hỏi; ii) Làm cho việc học trở nên dễ tiếp cận; iii) Phù hợp với cung và cầu; và iv) Học tập trở thành làm việc và làm việc trở thành học tập [13].

Học tập suốt đời được tổ chức theo nhiều hình thức tại nhiều địa điểm, trong đó học tập suốt đời trong hệ thống thiết chế văn hóa là một trong những yếu tố cần được nhấn mạnh. Trong nghiên cứu của nhóm tác giả Werner Hasitschka, Peter Tschumuck, Tasos Zembylas (2005) phân tích khái niệm thiết chế văn hóa ở 04 khía cạnh: i) Sự hình thành của các sản phẩm văn hóa, quá trình sản xuất phân phối; ii) Khung thể chế, các quy định để phát triển các sản phẩm văn hóa; iii) Các tổ chức văn hóa: bảo tàng, thư viện, nhà hát,...; iv) Các tổ chức xã hội lao động văn hóa

<sup>3</sup> Điều 7 của Đạo Luật xác định hệ thống giáo dục công lập với 03 giai đoạn: giáo dục tiểu học, giáo dục trung học và giáo dục đại học, khoản 1 Điều 8 xác định trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc bảo đảm duy trì mạng lưới trường học, Điều 35. tuổi đi học bắt buộc từ 05 tuổi đến 15 tuổi, đồng thời quy định về giáo dục nâng cao (Further Education) từ đào tạo kỹ năng cơ bản đến kỹ năng nghề nghiệp học tập dựa trên công việc, tổ chức học tập cộng đồng cũng được đề cập tại Đạo luật này.

<sup>4</sup> Văn bản gốc: Every local education [authority](#) was required to submit for the minister's approval a development plan for primary and [secondary](#)

[education](#) and a plan for further education in its area.

Tham khảo từ:

<https://www.britannica.com/topic/education/Education-Act-of-1944>, truy cập ngày 17/9/2022.

<sup>5</sup> Có thể kể đến như: Chiến lược giáo dục 2014-2018 của Bộ Giáo dục, Thanh thiếu niên và Thể thao Campuchia; Chiến lược quốc gia về giáo dục 2015-2019 của Bộ Giáo dục và Văn hóa Indonesia; Bản thiết kế tổng thể về Hội nhập văn hóa của học tập suốt đời cho Malaysia của Bộ Giáo dục Đại học Malaysia; chương trình Giáo dục Quốc gia B.E. 2560-2579 (giai đoạn 2017-2036) của Thái Lan...

và các hoạt động văn hóa (chính sách văn hóa, tài trợ,...) [14]. Từ tiếp cận thiết chế văn hóa với ý nghĩa là tổ chức, David Carr (1990) đã nhấn mạnh vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa với ý nghĩa cung cấp thông tin, tri thức để phục vụ cộng đồng, phát triển nền văn hóa, trong đó nhấn mạnh vai trò của 02 thiết chế quan trọng đó là thư viện và bảo tàng [15]. Tuy vậy trong bối cảnh hiện đại, trung tâm văn hóa cũng là một trong những tổ chức cần được đề cập với vị trí, vai trò đa chức năng, trong đó có hỗ trợ học tập suốt đời, đây cũng là nội dung được đề cập trong nghiên cứu của V. Jurenienė (2012) nghiên cứu chỉ ra hoạt động của trung tâm văn hóa có thể nhóm thành các lĩnh vực: phổ biến văn hóa dân tộc học; khơi dậy tình cảm với văn hóa đương đại, bảo vệ di sản văn hóa, tạo ra không gian để tổ chức các lớp học ngắn hạn phục vụ cộng đồng đặc biệt có vai trò đối với giáo dục nghệ thuật thanh thiếu niên [16]. Vai trò của thư viện trong thúc đẩy học tập suốt đời cũng được nhấn mạnh trong văn kiện quốc tế, trong đó phải kể đến như Tuyên ngôn về thư viện công cộng của UNESCO năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2022; báo cáo của IFLA<sup>6</sup>(2004) vai trò của thư viện với học tập suốt đời đã nhấn mạnh vai trò của thư viện trong việc kết nối học tập của địa phương đặc biệt trong bối cảnh phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, thư viện cung cấp và hướng dẫn cách thức tra cứu, khai thác thông tin và tri thức và là điều kiện tiên quyết để hình thành một nền dân chủ thông tin và xã hội tri thức [17]. Những thách thức về khoa học, công nghệ trong vấn đề bảo đảm học tập suốt đời của người dân được nghiên cứu của Aruna Chanu Oinam, Purnima Thoidingjam (2019) nhận diện bao gồm: áp dụng công nghệ mới trong thư viện; phục vụ nhu cầu, sở thích khác nhau của người sử dụng; vấn đề xử lý gia tăng của thông tin mới. Ngoài ra phương thức hoạt động của thư viện cũng cần có sự thay đổi: từ vai trò truyền thống chuyển sang mở rộng các dịch vụ giáo dục, hướng dẫn và tham vấn cho các hoạt động, mang lại cơ hội, cá nhân cho các tổ chức [18]. Cần nhấn mạnh rằng, trong bối cảnh

hiện đại hóa thư viện là xu thế tất yếu, vì vậy việc hiện đại hóa hệ thống dịch vụ thư viện, dân chủ hóa việc tiếp cận thông tin là một trong những vấn đề cấp thiết trong việc hỗ trợ người dân học tập suốt đời [19]. Năng lực thông tin là một trong những nội dung quan trọng mà thư viện cung cấp cho người dân học tập suốt đời với quan điểm, năng lực thông tin là một trong những năng lực quan trọng để thực hiện các năng lực khác, đây được xem là sứ mệnh của thư viện [20]. Vai trò của bảo tàng cũng được đề cập trong báo cáo của tổ chức GLAAM (Group for Large Local Authority Museums) của Bộ Kỹ thuật số, Văn hóa, Truyền thông và Thể thao Vương quốc Anh<sup>7</sup> (DCMS) trong đó Bảo tàng đóng một vai trò trong việc tạo ra thay đổi xã hội bằng cách tương tác và trao quyền cho mọi người để xác định vị trí của họ trên thế giới, giáo dục để đạt được tiềm năng của bản thân, đóng góp đầy đủ vào xã hội và góp phần cải tạo nó trong tương lai [21]. Báo cáo “bảo tàng trong thời đại học tập” của Bộ Kỹ thuật số, Văn hoá, Truyền thông và Thể thao Vương quốc Anh năm 1999 đã phân tích những thách thức của xã hội học tập, những cạnh tranh của bảo tàng với công nghệ truyền thông và thách thức của sáng tạo. Báo cáo cũng chỉ ra 12 mục tiêu của bảo tàng với 03 nhóm mục tiêu chủ đạo là: thiết chế văn hoá, đối với cộng đồng và phát triển quốc gia với sứ mệnh trong cung cấp môi trường và học liệu cho việc học tập; Đặc biệt tại mục tiêu số 5 có nhấn mạnh vai trò của bảo tàng trong học tập suốt đời: thông qua học tập chính thức và không chính thức, từ thời thơ ấu, thông qua gia đình, tài nơi làm việc. Báo cáo cũng khuyến nghị rằng các bảo tàng xác định những nhóm đối tượng cần được ưu tiên trong tiếp cận [22]. Nghiên cứu của tác giả Hui-Jong Hsieh (2010) đã nhấn mạnh vai trò của bảo tàng với việc học tập suốt đời của cao tuổi trong bối cảnh độ già hoá dân số thế giới ngày càng tăng. Bảo tàng với vai trò như một thiết chế giáo dục và xã hội thông qua triển lãm và các hoạt động để cung cấp một phương pháp học tập không chính thức và đa dạng [6] Đồng thời, bảo tàng

<sup>6</sup> IFLA: International Federation of Library Associations and Institutions: Liên đoàn quốc tế các hiệp hội và tổ chức thư viện

<sup>7</sup> Department for Digital, Culture, Media and Sport

cũng cung cấp môi trường học tập của người lớn trong việc thúc đẩy học tập suốt đời với lý thuyết học tập tập tại chỗ và lý thuyết hoạt động văn hoá-lịch sử, nhóm nghiên cứu cho rằng, bảo tàng có tiềm năng to lớn để trở thành không gian có ý nghĩa cho việc học tập thông qua sự tham gia của cộng đồng [23].

Như vậy, kể từ khi khái niệm “học tập suốt đời” xuất hiện trong các nghiên cứu đến khi khái niệm này trở thành một trong những chính sách giáo dục quan trọng mang tính toàn cầu, đã có nhiều các quan điểm, nhận thức khác nhau về học tập suốt đời, trong đó học tập suốt đời trong hệ thống thiết chế văn hóa cần được nhắc đến với 03 thiết chế cơ bản đó là: thư viện, bảo tàng và trung tâm văn hóa với các vai trò khác nhau trong việc tạo nền tảng để xây dựng năng lực và phát triển con người. Đặt trong bối cảnh chuyển đổi số, hoạt động của các thiết chế này có nhiều biến đổi với nhiều xu hướng khác nhau, đòi hỏi cần có những nhận diện thấu đáo, để ban hành chính sách thúc đẩy học tập suốt đời trong các thiết chế văn hóa cho phù hợp nhằm đạt được mục tiêu kép: vừa thúc đẩy phát triển văn hóa, con người, vừa thúc đẩy phát triển giáo dục hướng đến phát triển bền vững, đây là những vấn đề có tính đương đại đặt ra.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp thu thập số liệu thứ cấp: bao gồm các số liệu, dữ kiện được công bố tại các sách chuyên khảo, giáo trình, bài báo, kết quả nghiên cứu đã được công bố tại các nguồn uy tín. Ngoài ra, để minh họa cho các luận điểm của nghiên cứu, tác giả còn sử dụng phương pháp phân tích tài liệu đó là các văn bản thể chế hóa chính sách của nhà nước trong việc thúc đẩy hoạt động học tập suốt đời trong các thiết chế văn hóa hiện nay bao gồm: các văn bản quy phạm pháp luật, các đề án, các định hướng của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ ngành có liên quan.

Nghiên cứu sử dụng tiếp cận khoa học liên ngành bao gồm: khoa học quản lý, khoa học chính sách, khoa học thông tin và văn hóa học;

ngoài ra còn sử dụng các hướng tiếp cận khác như:

- Tiếp cận hệ thống, khi xem xét các thiết chế văn hóa như một thể thống nhất với các phần tử có vai trò thúc đẩy hoạt động học tập suốt đời như: thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa, qua đó nhận diện mối quan hệ, tính liên kết giữa các phần tử để thực hiện các mục tiêu chung của hệ thống;

- Tiếp cận logic lịch sử: nhằm nhận diện quá trình hình thành và phát triển của chính sách, nhận diện các quy luật, những xu hướng biến đổi trong chính sách đặt trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Tiếp cận Topdown-Bottom up: để nhận diện những tác động tạo ra từ chính sách với 02 hướng tiếp cận đồng thời: từ chủ thể quản lý, ban hành chính sách và các đối tượng chịu tác động sẽ giúp cho việc nhận diện và đề xuất những giải pháp hoàn thiện chính sách trong bối cảnh mới.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Khái luận về hệ thống thiết chế văn hóa với vai trò thúc đẩy học tập suốt đời trong bối cảnh chuyển đổi số

#### 3.1.1. Khái niệm học tập suốt đời

Báo cáo của UNESCO năm 1996 với tựa đề: Learning: The Treasure Within đã chỉ ra học tập suốt đời bao hàm việc thu nhận kiến thức, kỹ năng và giá trị trong suốt cuộc đời, đó là một quá trình liên tục học hỏi để biết, để làm, để cùng chung sống [24]. Định nghĩa của Ủy ban Châu Âu (EC) (2000) về học tập suốt đời được xem là một trong những quan niệm được chấp nhận rộng rãi trong giới học thuật và hoạch định chính sách đó là: *hoạt động học tập có mục đích được thực hiện trong suốt cuộc đời để nâng cao kiến thức, kỹ năng phục vụ cho công việc theo từng nhu cầu của mỗi cá nhân, công dân, xã hội*; Tổ chức Hợp tác phát triển kinh tế (OECD) cũng đề cập học tập suốt đời như một triết lý giáo dục và coi là chìa khóa của sự phát triển kinh tế-xã hội của mỗi quốc gia đặc biệt trong bối cảnh phát triển của kinh tế tri thức [9] Trong Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững (2030

*Agenda for Sustainable Development*), học tập suốt đời được UNESCO chỉ ra: *đó là sự tích hợp giữa học tập và đời sống bao gồm: học tập ở mọi lứa tuổi (trẻ em, người già, các bé trai, bé gái, phụ nữ, đàn ông), mọi bối cảnh của đời sống (gia đình, trường học, cộng đồng, nơi làm việc,...) thông qua các hình thức khác nhau (chính quy, phi chính quy,...) để đáp ứng đòi hỏi và nhu cầu học tập khác nhau.*

Trong nghiên cứu “các thực tiễn hứa hẹn về học tập suốt đời tại các quốc gia Đông Nam Á” (*Lifelong learning in transformation: Promising practices in Southeast Asia*) của UNESCO nhóm tác giả thuộc Viện nghiên cứu về học tập suốt đời của UNESCO đã chỉ ra: *học tập suốt đời là một nguyên tắc tổ chức giáo dục bao trùm tất cả các giai đoạn của cuộc đời và tất cả các hình thức học tập-giáo dục chính quy, không chính quy và phi chính quy.* Theo nghĩa rộng, *học tập suốt đời cũng để chỉ một xã hội trong đó việc học tập không chỉ được chia sẻ và sở hữu bởi các cá nhân mà còn bởi các tổ chức và định chế* [9, pp. 10-11].

Như vậy, thông qua quá trình hệ thống hóa các quan điểm khác nhau của các nhà nghiên cứu, có thể nhận diện:

i) Học tập suốt đời là một hoạt động có mục đích được thực hiện trong suốt cuộc đời của một con người và được xem là quá trình đào tạo và tự đào tạo của mỗi con người;

ii) Mục tiêu của học tập suốt đời của mỗi người để nâng cao kiến thức, kỹ năng phục vụ cho công việc, cuộc sống, đặc biệt đó là thích ứng với sự biến đổi không ngừng của xã hội và sự phát triển của tri thức nhân loại;

iii) Phương tiện để thực hiện học tập suốt đời: thông qua trường học (chính quy tập trung không chính quy hoặc phi chính quy); thông qua các lớp bồi dưỡng kiến thức; thông qua các thiết chế văn hóa như bảo tàng, nhà văn hóa và đặc biệt là thông qua thư viện.

iii) Nền tảng để thúc đẩy học tập suốt đời đó là hệ thống chính sách văn hóa-giáo dục của một quốc gia kết hợp với sự tiến bộ của khoa học và

công nghệ trong việc kiến tạo một xã hội học tập với môi trường thuận lợi để công dân có thể theo đuổi việc học suốt đời.

### 3.1.2. Hệ thống thiết chế văn hóa

Khái niệm “thiết chế văn hóa ( thuật ngữ tiếng anh: Cultural Institution) được nhắc đến với nhiều ý nghĩa khác nhau<sup>8</sup>. Trong tiếp cận của nghiên cứu, thiết chế văn hóa được nhận diện với ý nghĩa là các tổ chức, vận dụng Lý thuyết hệ thống [25], Hệ thống thiết chế văn hóa được nhận diện ở các yếu tố như sau:

i) Là tập hợp các phần tử, đó là các tổ chức hoạt động văn hóa bao gồm: thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa, nhà hát, rạp chiếu phim.... Trong đó với vai trò thúc đẩy học tập suốt đời, có 03 thiết chế cơ bản đó là: thư viện, bảo tàng và trung tâm văn hóa. Các phần tử có mối liên hệ tương tác trong môi trường văn hóa;

ii) Mục tiêu vận hành của hệ thống đó là đáp ứng các quyền của công dân trong lĩnh vực văn hóa đã được Hiến pháp quy định<sup>9</sup>

Trong phạm vi nghiên cứu, xin đi sâu phân tích 03 thiết chế cơ bản: thư viện, bảo tàng và trung tâm văn hóa để làm rõ vai trò của các thiết chế này trong thúc đẩy học tập suốt đời của người dân.

### 3.1.3. Chuyển đổi số và những tác động đến hệ thống thiết chế văn hóa trong việc thúc đẩy hoạt động học tập suốt đời

Tiếp cận từ góc độ tổ chức: chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số [26]. Tiếp cận từ yếu tố công nghệ, chuyển đổi số được nhận diện đó là *sự giao thoa giữa điện toán đám mây, dữ liệu lớn, internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo*, hay nói cách khác đó là sức mạnh của công nghệ số áp dụng vào mọi khía cạnh của tổ chức để mang lại các giá trị [27, 28].

Chuyển đổi số trong hệ thống thiết chế văn hóa được nhận diện đó là quá trình thay đổi phương thức vận hành, quy trình hoạt động, phương thức cung ứng dịch vụ các các giá trị tạo

<sup>8</sup> Thuật ngữ tiếng anh: Cultural Institution Có thể dịch là thể chế văn hóa: được hiểu là hệ thống các quy định pháp lý của ngành văn hóa;

<sup>9</sup> Điều 41 của Hiến pháp quy định: Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa.

ra cho cộng đồng trên nền tảng số dựa trên việc áp dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ. Chuyển đổi số tác động đến mọi mặt trong hoạt động của thư viện, bảo tàng và trung tâm văn hóa có thể nhận diện:

**Đối với thư viện:** chuyển đổi số là một yếu tố quan trọng thúc đẩy sự chuyển dịch mô hình hoạt động của thư viện từ thư viện truyền thống sang thư viện hiện đại, với những chuyển dịch cơ bản:

i) Chuyển đổi số thúc đẩy quá trình chuyển dịch mục tiêu phát triển từ *thư viện là nơi lưu giữ tài liệu trở thành nơi cung cấp sản phẩm, dịch vụ thư viện; là nơi sinh hoạt cộng đồng hướng đến hỗ trợ tiếp cận thông tin, hướng thụ các giá trị văn hóa; hỗ trợ việc học tập suốt đời của người sử dụng*. Sự thay đổi này xuất phát từ yêu cầu của xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức dẫn đến nhu cầu sử dụng thông tin có tính chuyên biệt hóa đòi hỏi thư viện không chỉ cung cấp thông tin, tài liệu đơn thuần mà còn cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin, hỗ trợ cho việc tiếp cận và nắm bắt thông tin tri thức của người sử dụng. Đặt trong bối cảnh chuyển đổi số với xu thế “ảo hóa” trong tiếp cận sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát triển sản phẩm và dịch vụ thông tin số, phục vụ nhu cầu của người sử dụng;

ii) Chuyển đổi số thúc đẩy sự chuyển dịch trong phương tiện để phát triển thư viện từ *việc chú trọng việc bổ sung tài nguyên thông tin, chuẩn hóa hoạt động xử lý thông tin mang tính chất kỹ thuật nghiệp vụ chỉ cung ứng những gì mà thư viện có sang việc tạo dựng và phát triển sản phẩm và dịch vụ hướng đến kiến tạo thư viện thành một trung tâm thông tin, văn hóa và học tập cộng đồng có sự liên thông, liên kết với nhau và gắn kết cộng đồng tạo sự tiếp cận bình đẳng cho người sử dụng, thư viện cung ứng những gì mà xã hội có nhu cầu mang tính chuyên biệt*. Dưới tác động của quá trình chuyển đổi số, người dân có thể tiếp cận một cách nhanh chóng, dễ dàng thông tin và các sản phẩm, dịch vụ thư viện, cũng thuận tiện trong việc kết nối cộng đồng thông qua hệ thống công nghệ;

iii) Chuyển đổi số thúc đẩy sự chuyển dịch trong mối quan hệ giữa phát triển thư viện với yêu cầu của cộng đồng từ *giai đoạn thư viện đi*

*sau nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin (thư viện chỉ cung cấp những gì mà mình có) sang thư viện đi trước nhu cầu và phương thức tiếp cận thông tin và giữ vai trò định hướng thông tin cho cộng đồng*. Dưới tác động của chuyển đổi số với việc ứng dụng của các thành tựu của Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư như: Bigdata, AI, công nghệ thực tế ảo sẽ tạo ra một khối lượng thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu khổng lồ, đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin cũng như định hướng thông tin cho cộng đồng. Thông qua quá trình này, người dân có thêm nhiều cơ hội được tiếp cận thông tin, phục vụ học tập suốt đời [29].

**Đối với bảo tàng:** Những thành tựu của Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư như trí tuệ nhân tạo, công nghệ thực tế ảo, dữ liệu lớn (Bigdata), công nghệ 3D... đều được ứng dụng và làm thay đổi hoạt động bảo tàng để gia tăng mức độ trải nghiệm đối với người sử dụng. Ngoài hình thức tham quan trực tiếp, hình thức tham quan trực tuyến cũng trở thành một xu thế tất yếu.

**Đối với trung tâm văn hóa:** là một trong những thiết chế văn hóa có mặt tại 03 cấp hành chính tại địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) ngoài ra còn có hệ thống nhà văn hóa cấp thôn, chuyển đổi số tác động đến quá trình liên kết giữa các cấp hành chính trong việc tổ chức các hoạt động phục vụ học tập suốt đời của người dân thông qua hoạt động thúc đẩy văn – thể – mỹ.

### 3.2. Hiện trạng hệ thống thiết chế văn hóa và các chính sách thúc đẩy học tập suốt đời

#### 3.2.1. Hiện trạng hệ thống thiết chế văn hóa

Hiện nay, cả nước có 01 thư viện Quốc gia Việt Nam, 63 thư viện tỉnh/thành, 667 thư viện cấp huyện, 3290 thư viện cấp xã, phường, thị trấn, 19.881 phòng đọc, tủ sách cơ sở và 178 thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng; hệ thống thư viện đa ngành, chuyên ngành với gần 400 thư viện các trường đại học và tương đương, 25.915 thư viện trường phổ thông; trên 100 thư viện thuộc các Bộ ngành, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu khoa học; thư viện lực lượng vũ trang nhân dân với 110 thư viện, 529 phòng đọc,



3.027 tủ sách của lực lượng công an và 421 thư viện, khoảng 1.000 phòng đọc sách Hồ Chí Minh trong hệ thống thư viện quân đội phát triển mạnh mẽ góp phần đắc lực vào việc đẩy mạnh các hoạt động phục vụ học tập suốt đời cho người dân.

**Về bảo tàng:** hiện nay cả nước có 188 bảo tàng (với 128 bảo tàng công lập và 60 bảo tàng ngoài công lập) lưu giữ trên 4 triệu hiện vật, trong đó có nhiều sưu tập hiện vật quý giá về lịch sử, văn hóa dân tộc học, mỹ thuật. Có 155 hiện vật thuộc nhóm hiện vật công nhận là bảo vật quốc gia.

**Về trung tâm văn hóa:** hiện nay cả nước có 66 trung tâm văn hóa cấp tỉnh (bao gồm: trung tâm văn hóa nghệ thuật, trung tâm văn hóa-điện ảnh, trung tâm thông tin – triễn lãm); cấp huyện có 700 quận, huyện có trung tâm văn hóa-thể thao hoặc Nhà văn hóa. Có 7.945 xã, phường, thị trấn có Trung tâm văn hóa-thể thao, 78.273 làng, thôn, ấp có nhà văn hóa.<sup>10</sup> Như vậy có thể khẳng định, cả nước có một hệ thống các thiết chế văn hóa phục vụ học tập suốt đời rộng khắp từ trung ương đến địa phương (trong đó tại địa phương hệ thống trung tâm văn hóa và thư viện có mặt đến cấp cơ sở (thôn, làng, bản ấp..) để phục vụ nhu cầu hưởng thụ giá trị văn hóa cũng như học tập suốt đời của người dân.

*b) Các chính sách thúc đẩy học tập suốt đời*

Các chính sách thúc đẩy học tập suốt đời được cụ thể hóa trong các đề án, dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó phải kể đến:

Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Đề án 1373) đã xác định mục tiêu tiếp tục và tạo sự chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập bảo đảm đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân

*lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư và hội nhập quốc tế*<sup>11</sup>. Cùng với đó, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2022 phê duyệt Chương trình “Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021-2030” với mục tiêu chung: *thúc đẩy việc học tập suốt đời để con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả trên cơ sở hình thành mô hình “công dân học tập” nhằm khuyến khích, tạo cơ hội công bằng, điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân trong tổ chức, đơn vị, gia đình, mọi công dân trong xã hội được tham gia học tập, hướng tới công dân số, đáp ứng yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia và góp phần xây dựng thành công một xã hội học tập*<sup>12</sup>

02 văn bản quan trọng nêu trên tạo ra nền tảng cơ bản trong việc xây dựng các chính sách đặc thù của từng ngành, lĩnh vực để thúc đẩy học tập suốt đời ở Việt Nam.

Đối với hệ thống thiết chế văn hóa, kể từ năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ” theo Quyết định 208/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2014 (sau đây gọi tắt là Đề án 208) nhằm phát huy vai trò của Thư viện như một lực lượng quan trọng hỗ trợ học tập suốt đời của người dân với mục tiêu tổng thể: “tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục, học tập, phục vụ học tập trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ phù hợp đối tượng người sử dụng ở từng vùng, miền, địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp nhiều cơ hội cho người dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn được học tập thường xuyên, từ đó khuyến khích nhu cầu, thói quen học tập suốt đời, góp phần nâng cao dân trí, năng lực sáng tạo, kỹ năng lao động; cải

<sup>10</sup> Nguồn số liệu: báo cáo tổng kết tình hình triển khai thực hiện Đề án đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời đến năm 2020 (Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ).

<sup>11</sup> Khoản 1 Mục II Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>12</sup> Khoản 1 Mục II Quyết định 677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống”<sup>13</sup>. Thông qua mục tiêu này có thể nhận diện: trong giai đoạn này, vấn đề hình thành thói quen học tập suốt đời trong thư viện được chú trọng, việc hình thành thói quen được xây dựng thông qua tổ chức các hoạt động, cung ứng các dịch vụ thư viện phục vụ người sử dụng như: truy cập internet miễn phí, hướng dẫn sử dụng, tra cứu tìm kiếm thông tin, tri thức phù hợp với nhu cầu của người sử dụng; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề,... tổ chức các lớp hướng dẫn, cập nhật kỹ năng, kiến thức cần thiết cho lực lượng lao động tại địa phương...

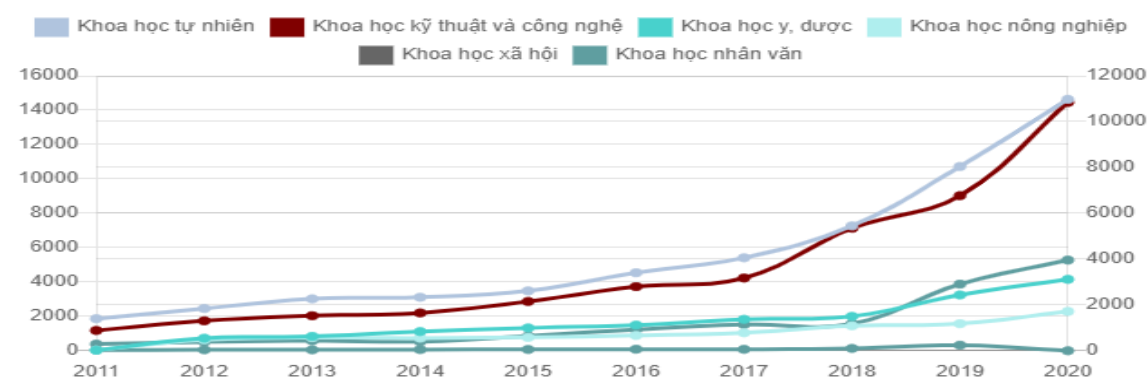
Riêng đối với lĩnh vực thư viện, trên nền tảng khẳng định vai trò của thư viện đối với việc xây dựng một xã hội học tập, thúc đẩy công dân học tập suốt đời, một loạt các chính sách khác trong giai đoạn này cũng được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong đó phải kể đến như: Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định 329/QĐ-TTg ngày 15 tháng 03 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ), Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện (Quyết định 206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2021),... cùng với đó là việc hoàn thiện thể chế về thư viện với việc Quốc hội thông qua Luật Thư viện năm 2019 với việc khẳng định chức năng, nhiệm vụ của thư viện trong việc phát

triển văn hóa đọc và góp phần tạo môi trường học tập suốt đời cho Nhân dân, xây dựng xã hội học tập, nâng cao dân trí, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân,... là một trong những điều kiện quan trọng để Thư viện Việt Nam tiếp tục thực hiện sứ mệnh của mình trong việc kiến tạo một môi trường học tập thuận lợi để thúc đẩy học tập suốt đời của công dân.

### 3.3. Những xu hướng trong xây dựng chính sách thúc đẩy học tập suốt đời trong hệ thống thiết chế văn hóa

i) Xu hướng sự phát triển của tri thức nhân loại và yêu cầu hình thành hệ sinh thái về thiết chế văn hóa hỗ trợ học tập suốt đời của người dân trên nền tảng ứng dụng khoa học và công nghệ và chuyển đổi số

Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư đã mang lại những thành tựu công nghiệp nổi bật, xem xét sự phát triển của tri thức khoa học trên bình diện công bố quốc tế ở Việt Nam, trong khoảng 10 năm (từ 2011-2020), có thể nhận diện sự gia tăng về tri thức khoa học và công nghệ từ 2136 (năm 2010) lên đến 17.177 (năm 2020), phân theo 06 lĩnh vực khoa học trong khoảng thời gian này, có thể nhận diện theo biểu đồ sau:



Biểu đồ 1. Công bố quốc tế theo lĩnh vực nghiên cứu tại Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020. (Nguồn: Cơ sở dữ liệu công bố quốc tế của Việt Nam, <https://cbqt.vista.gov.vn/>)<sup>14</sup>

<sup>13</sup> Khoản 1 Mục 1 Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2014.

<sup>14</sup> Truy cập ngày 07/4/2022.

Xét trên phương diện bảo đảm cho hoạt động học tập suốt đời, trong bối cảnh chuyển đổi số, xu hướng liên kết, hình thành hệ sinh thái về thiết chế văn hóa dự báo sẽ là một xu hướng chủ đạo. Theo Đề án 208, các thiết chế văn hóa: thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ được nhắc đến như những thành tố chủ chốt bảo đảm cho việc học tập suốt đời của người dân thông qua việc tổ chức các hoạt động, cung ứng các dịch vụ, tuy vậy tại nội dung của Đề án, chưa đề cập đến việc liên kết giữa các thiết chế văn hóa để kiến tạo một hệ sinh thái thống nhất hỗ trợ việc học tập suốt đời, mà mới chỉ hoạt động riêng lẻ. Trong xu thế chuyển đổi số và ứng dụng khoa học và công nghệ. Việc liên kết giữa các thiết chế văn hóa sẽ là một xu thế tất yếu, để có thể hỗ trợ lẫn nhau trong việc cung ứng sản phẩm và dịch vụ phục vụ học tập suốt đời;

Trên bình diện pháp luật, Điều 34 Luật Thư viện năm 2019 có đề cập quy định về cơ chế phối hợp giữa thư viện và các cơ quan, tổ chức có liên quan để đa dạng hóa các dịch vụ thư viện phục vụ người sử dụng;

ii) Xu hướng “mở” trong việc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời

Trên bình diện quốc tế, khoa học mở, truy cập mở đã và đang được Chính phủ của nhiều quốc gia coi trọng với việc ban hành các chính sách khuyến khích hỗ trợ. Truy cập mở (open access) lần đầu tiên được đề cập trong sáng kiến truy cập mở Budapest (Budapest Open Access Initiative -2002) [30], đến năm 2011 tại Hội nghị về vấn đề sử dụng bản quyền thúc đẩy tiếp cận thông tin và nội dung sáng tạo (Workshop on Using Copyright to Promote Access to Information and Creative Content), WIPO các đề xuất trong việc thúc đẩy truy cập mở đối với các thông tin của Chính phủ, nhằm tạo nền tảng trong việc tiếp cận thông tin của công dân phục vụ truyền bá tri thức khoa học và công nghệ [31]. Năm 2021, khuyến nghị khoa học mở của UNESCO đã được Hội nghị toàn thể UNESCO

phiên 41 thông qua đồng thời khẳng định vai trò, tầm quan trọng của khoa học mở như một công cụ sống còn để cải thiện chất lượng và khả năng tiếp cận thông tin, tri thức, đặc biệt là các kết quả nghiên cứu khoa học để lấp đầy khoảng cách về khoa học, công nghệ, đổi mới giữa các quốc gia trên thế giới;

Tại Việt Nam, trong mục tiêu của Đề án 1373 đã xác định việc xây dựng mô hình xã hội học tập dựa trên nền tảng một hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình<sup>15</sup>; các chính sách về thúc đẩy hoạt động thư viện cũng đề cập đến vấn đề phát triển tài nguyên thông tin mở<sup>16</sup> phục vụ người dân. Xu hướng này sẽ là tiền đề trong việc hỗ trợ việc truyền bá tri thức khoa học đến với cộng đồng, thúc đẩy việc học tập không giới hạn;

iii) Thay đổi trong mô hình hỗ trợ học tập suốt đời từ “khuyến khích thói quen” sang “hình thành năng lực” của mỗi công dân

Tại mục tiêu tổng thể mà Đề án 208 đặt ra đó là thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục, học tập phục vụ học tập trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ sẽ khuyến khích nhu cầu, thói quen học tập suốt đời. Ở đây cần nhấn mạnh yếu tố “thói quen” (có tính chất lặp đi lặp lại) từ đó hình thành nền tảng của một xã hội học tập. Bước sang giai đoạn 2021 đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, vấn đề hình thành năng lực được đặt ra trong việc hỗ trợ học tập suốt đời của mỗi công dân, hay nói cách khác đó là sự phát triển về chiều sâu trong việc xây dựng các mô hình hỗ trợ học tập suốt đời. Trong mục tiêu cụ thể của Đề án 1373: *đến năm 2025 có 50% số người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin; 50% số người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống; 50% dân số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật, trong đó 12% dân số có trình độ đại học trở lên...* là một trong những minh chứng cụ thể về xu hướng thay đổi trong mô hình học tập suốt đời từ “khuyến khích xây

<sup>15</sup> Tham khảo Mục tiêu chung của Đề án: khoản 1 Mục II Quyết định 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>16</sup> Điểm b khoản 1 Điều 5 Luật Thư viện quy định: Nhà nước đầu tư cho thư viện công lập các nội dung: hiện đại

hóa thư viện; xây dựng thư viện số, tài nguyên thông tin dùng chung, tài nguyên thông tin mở; liên thông thư viện trong nước và nước ngoài.

dụng thói quen” sang phát triển theo chiều sâu hướng đến xây dựng năng lực để người dân nắm bắt tri thức từ đó hỗ trợ cho việc học tập suốt đời;

iv) Thay đổi trong phương tiện hỗ trợ cho học tập suốt đời từ mô hình truyền thống trở thành trung tâm tri thức số

Trong bối cảnh chuyển đổi số, để mỗi người có thể tiếp cận thông tin, tri thức khoa học và công nghệ một cách không giới hạn (trong bất kỳ một thời điểm hay không gian), thì việc phát triển các thư viện, phòng đọc sách truyền thống đã không còn phù hợp trong bối cảnh hiện nay bởi những rào cản về tính bền vững và đặc biệt là thói quen tiếp cận thông tin của người dân trong bối cảnh chuyển đổi số đã thay đổi, xu thế “áo hóa” trong tiếp cận thông tin, tri thức đã và đang chiếm tỷ trọng cao trong nhu cầu tiếp cận thông tin của mỗi công dân, đọc sách điện tử, truy cập thông tin qua không gian mạng đã và đang thể hiện sự ưu việt về tốc độ truy cập, tính cập nhật, khả năng tìm kiếm, sự cơ động (do hầu hết người dân đều đang sử dụng điện thoại và các thiết bị di động thông minh trong việc tìm kiếm, tiếp cận thông tin)<sup>17</sup>.

Đặc biệt với sự phát triển của internet vạn vật (Iot) trong tương lai sẽ là công cụ quan trọng và chủ yếu giúp người nghiên cứu, tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận thông tin phục vụ nhu cầu học tập suốt đời một cách thuận tiện. Chính vì vậy, yêu cầu trong việc hướng đến một thư viện hiện đại - trung tâm tri thức số là phù hợp so với xu thế hiện nay.

#### 4. Bình luận và đề xuất quan điểm xây dựng khung chính sách

Học tập suốt đời hướng đến xây dựng một xã hội học tập là một trong những vấn đề cấp thiết và là vấn đề đương đại trong chính sách văn hóa-giáo dục. Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư, xu thế chuyển đổi số và những đổi mới trong các định hướng, chính sách phát triển văn hóa, giáo dục hiện nay, nghiên cứu đã

chỉ ra 04 xu hướng chính trong xây dựng chính sách thúc đẩy học tập suốt đời trong hệ thống thiết chế văn hóa. Từ đó, xin đưa ra quan điểm hoàn thiện chính sách với Khung mẫu như sau:

- **Về triết lý của chính sách:** Kiến tạo một hệ thống thiết chế văn hóa: có tính mở, thống nhất, đồng bộ, kết nối và trên nền tảng chuyển đổi số.

- **Hệ quan điểm:** có 05 quan điểm cơ bản của chính sách đó là:

i) Hệ thống thiết chế văn hóa bao gồm: thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hoá là những thành tố không thể thiếu trong việc thúc đẩy các hoạt động học tập suốt đời của người dân và giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục của đất nước;

ii) Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hoá được triển khai trên cơ sở hình thành một hệ thống thiết chế văn hóa có tính liên kết, đồng bộ, bền vững, có năng lực đổi mới trên nền tảng ứng dụng khoa học và công nghệ và chuyển đổi số;

iii) Người dân là đối tượng hưởng thụ, giữ vị trí trung tâm đối với mọi hoạt động thúc đẩy học tập suốt đời trong các thiết chế văn hóa trên tinh thần công bằng, bình đẳng và nhân văn, tạo điều kiện để người dân học tập thường xuyên, học tập suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân học tập toàn cầu;

iv) Phát huy mọi nguồn lực để thúc đẩy các hoạt động học tập suốt đời trong các thiết chế văn hóa. Trong đó Nhà nước giữ vai trò chính, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp là yếu tố tạo động lực để hệ thống thiết chế văn hóa thực sự trở thành trung tâm giáo dục ngoài nhà trường, hỗ trợ học tập suốt đời của người dân;

v) Chủ động hợp tác quốc tế, không ngừng phát triển vốn tri thức, văn hóa của con người và dân tộc Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa tri thức của nhân loại.

- **Hệ chuẩn mực:** Bao gồm: “mở, thống nhất, có tính liên kết và chuyển đổi số” đối với hệ thống thiết chế văn hóa; “tự do, bình đẳng trong

<sup>17</sup> Theo khảo sát của Statista tại Việt Nam có khoảng 61.3 triệu smartphone đang được sử dụng, và nằm trong top 10 quốc gia có số lượng sử dụng smartphone nhiều nhất thế giới, nguồn thông tin:

<https://vov.vn/cong-nghe/sanh-dieu/luong-nguoi-dung-smartphone-o-viet-nam-dung-trong-top-10-toan-cau-863220.vov>, truy cập ngày 17/3/2021

tiếp cận hệ thống tri thức mở” đối với đối tượng hưởng thụ là người dân.

- **Hệ khái niệm:** Thư viện số, bảo tàng số, trung tâm tri thức số, giáo dục mở, năng lực thông tin, năng lực học tập suốt đời...

Từ khung mẫu này, nghiên cứu đề xuất các giải pháp:

i) Hoàn thiện hệ thống các quy định của pháp luật tạo hành lang pháp lý trong việc thúc đẩy hoạt động học tập suốt đời trong các thiết chế văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số như: quy định chuẩn hóa hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, mô hình, phương thức hoạt động, khung khổ pháp lý thúc đẩy liên thông, liên kết, chia sẻ giữa các thiết chế văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số, các yếu tố thúc đẩy công nghiệp văn hóa, vấn đề khắc phục xung đột giữa bản quyền tác giả với nhu cầu tiếp cận thông tin phục vụ học tập suốt đời trong thư viện trong bối cảnh chuyển đổi số;...

ii) Tập trung quy hoạch mạng lưới thiết chế văn hóa, kiện toàn, củng cố và phát triển mạng lưới các thiết chế văn hóa đặc biệt là thư viện trong đó chú trọng hiện đại hóa hệ thống thư viện công cộng, thư viện trường học; tạo sự liên thông, kết nối giữa các thư viện trong cùng hệ thống, giữa thư viện và các thiết chế văn hóa khác trong việc phục vụ học tập suốt đời của người dân;

iii) Đổi mới mô hình, phương thức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa nói chung và thư viện nói riêng trong việc cung ứng các dịch vụ hỗ trợ học tập suốt đời cho người dân trên nền tảng ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số;

iv) Hoàn thiện hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế- kỹ thuật, định mức chi phí và hướng dẫn triển khai việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công nói chung (và dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động học tập suốt đời nói riêng) của các thiết chế văn hóa;

v) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu, công cụ đo lường để đánh giá năng lực phục vụ học tập suốt đời của người dân của hệ thống thiết chế văn hóa, khung năng lực thông tin, năng lực số, năng lực đọc, năng lực lĩnh hội tri thức, làm căn cứ để hoạch định các chính sách thúc đẩy

hoạt động học tập suốt đời trong các thiết chế văn hóa.

## 5. Kết luận

Học tập suốt đời trong thiết chế văn hóa là một trong những thành tố quan trọng không thể thiếu trong việc kiến tạo một xã hội học tập gắn với phát triển văn hóa, con người qua đó khơi dậy sức mạnh nội sinh (sức mạnh mềm) và khát vọng phát triển đất nước. Nghiên cứu chỉ ra: tại Việt Nam đã có chính sách thúc đẩy hoạt động học tập suốt đời trong hệ thống thiết chế văn hóa, tuy vậy, đặt trong bối cảnh phát triển của khoa học và công nghệ, cùng xu thế chuyển đổi số, hệ thống thiết chế văn hóa có những thay đổi về triết lý của chính sách. Từ đó nghiên cứu đã nhận diện, phân tích và làm rõ những xu hướng trong xây dựng chính sách thúc đẩy học tập suốt đời trong hệ thống thiết chế văn hóa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số với 04 xu hướng nền tảng trong xây dựng chính sách, qua đó góp phần xây dựng một xã hội học tập. Trên cơ sở 04 xu hướng này, nghiên cứu đã đề xuất khung mẫu của chính sách mới và đề xuất các định hướng giải pháp trong hoàn thiện chính sách.

Hiện tại Chính phủ đang triển khai Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 (theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021), trong đó giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ đến năm 2030”, hi vọng rằng với những kết quả đưa ra của nghiên cứu, sẽ là luận cứ khoa học có giá trị để cơ quan có thẩm quyền cân nhắc và hoàn thiện Dự thảo Đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tương lai./.

## Tài liệu tham khảo

- [1] UNESCO, Public Library Manifesto, 1994,
- [2] IFLA-UNESCO, Public Library Manifesto 2022,
- [3] B. Yeaxlee, Lifelong Education, London: Cassell, 1929.

- [4] UNESCO, Report International Committee for the Advancement of Adult Education 3rd, 1965, Paris, 1966.
- [5] UNESCO, Learning to be (the Faure Report), Paris, 1972.
- [6] H. J. Hsieh, Museum Lifelong Learning of the Aging People, *Procedia Social and Behavioral Sciences*, Vol. 2, pp. 4831-4835, 2010.
- [7] P. Ryan, Lifelong Learning potential and Constraints With Special Reference to Policies in the United Kingdom and Europe, 2003.
- [8] A. C. Ogden, A Brief Overview of Lifelong Learning In Japan, *The Language Teacher*, Vol. 34, No. 6, pp. 5-13, 2010.
- [9] Y. Rika, Lifelong Learning in Transformation: Promising Practices in Southeast Asia, Brunei Darussalam, Cambodia, Indonesia, Lao People's Democratic Republic, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thailand, Timor-leste And Vietnam, 2017.
- [10] A. I. Popescu, The Learning Society as A Key For Development, in *Proceedings of the Seventh Administration and Public Management International Conference*.
- [11] H. Ates, K. Alsal, The Importance of Lifelong Learning Has Been Increasing, *Procedia-social and Behavioral Sciences*, Vol. 46, No. 2012, 2012, pp. 4092-4096.
- [12] J. E. Stiglitz, B. C. Greenwald, *Creating A Learning Society a New Approach to Growth, Development and Social Progress*, New York: Columbia University Press, 2015.
- [13] B. Tindemans, V. Dekocker, *The Learning Society, Centre Of Expertise On Innovative Learning Pathways*, 2020, [https://www.oecd.org/skills/centre-for-skills/the\\_learning\\_society.pdf](https://www.oecd.org/skills/centre-for-skills/the_learning_society.pdf). (accessed on: October 27<sup>th</sup>, 2021).
- [14] W. Hasitschka, P. Tschmuck, T. Zembylas, Cultural Institutions Studies: Investigating the Transformation of Cultural Goods, *The Journal of Arts Management, Law and Society*, Vol. 35, No. 2, 2005, pp. 147-158.
- [15] D. Carr, Quantitative Meaning in Cultural Institutions, *Journal of Education for Library and Information Science*, Vol. 31, No. 2, 1990, pp. 97-104.
- [16] V. Jurenienė, The Role of Cultural Centres in the Fields of Children and Youth Artistic Education, *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, Vol. 51, No. 2012, 2012, pp. 501-505.
- [17] IFLA, *The Role of Libraries in Lifelong Learning, In IFLA Project Under The Section of Public Libraries*, 2004.
- [18] A. C. Oinam, P. Thoidingjam, Lifelong Learning and Library: A Must Know Facts for Learners, *Journal of Information Technologies and Lifelong Learning (JITLL)*, Vol. 2, No. 2, 2019.
- [19] L. U. Oghenetega, O. O. Erimieagbon, L. Ugulu, Sustaining Lifelong Education Through Public Library Service in the Electronic Age, *Journal of Education and Practice*, Vol. 5, No. 2, 2014, pp. 22-27.
- [20] S. Ferguson, Social Capital, Lifelong Learning, Information Literacy and The Role Libraries, in *Refereed Proceedings of the Australian and New Zealand Communications Association Annual Conference 2010*, Australian, 2010.
- [21] Group For Large Local Authority Museums (GLAAM), *Museums and Social Inclusion: The GLLAM Report*, 2000.
- [22] Department For Culture Media And Sport, "A Common Wealth: Museums In The Learning Age," 1999.
- [23] J. Kim, J. You And S. Y. Park, "Adult Learning For Social Change In Museums: An Exploration Of Sociocultural Learning Approaches To Community Engagement," *Journal Of Adult And Continuing Education*, Vol. 22, No. 2, Pp. 184-198, 2016.
- [24] J. Delor, "Learning: The Treasure Within Report To UNESCO Of The International Commission On Education For The Twenty -First Century," 1996.
- [25] V. C. Dam, *Theory System*, Ha Noi: University Of Social Sciences And Humanities, 2015.
- [26] T. Siebel, *Digital Transformation, Ho Chi Minh City : Ho Chi Minh City General Publishing House*, 2019.
- [27] T. Catlin, J.-T. Lorenz, B. Sternfels And P. Willmott, "A Roadmap For A Digital Transformation" McKinsey," 2017. [Online]. Available: <https://www.mckinsey.com/industries/financial-services/our-insights/a-roadmap-for-a-digital-transformation>. [Accessed 6 April 2022].
- [28] L. T. Son, "The Philosophy Of Library Career Development In Vietnam - An Approach From The Right Of Access To Information," *Documentary Information Journal*, Vol. 4, Pp. 3-11, 2020.
- [29] T. V. Hai, "Barriers To Copyright Protection Policy For Open Access And Open Educational Resources," *VNU Journal of Science: Policy And Management Studies*, Vol. 33, No. 4, Pp. 23-36, 2017.
- [30] WIPO, "Workshop On Using Copyright To Promote Access To Information And creative content," 2011.